

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Kim H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 202/2 CB, phường CG, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Trần Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kim H và anh Trần Văn T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường CG, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu, quen biết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 03/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, anh T ghen tuông vô cớ, tính tình nóng nảy, thường đánh chị H, anh

T đi làm về nhà không quan tâm vợ con, một mình chị H lo mọi việc trong nhà, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 03/2022 đến nay.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia Phát, sinh ngày 06/8/2018. Hiện nay, cháu Phát đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị H thống nhất giao cháu Phát cho anh T nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản ghi ý kiến về việc chị H yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cần rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Gia Phát, sinh ngày 06/8/2018 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Văn T có địa chỉ tại xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, chị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về năm sinh anh T, theo kết quả xác minh của Công an xã TH xác định anh Trần Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp và

anh Trần Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp TBH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp là cùng một người.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường CG, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, nguyên nhân là do anh chị không còn quan tâm, thấu hiểu nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, anh T ghen tuông vô cớ, tính tình nóng nảy, thường đánh chị H. Anh T đi làm về nhà không quan tâm vợ con, anh chị không còn sống chung từ tháng 03/2022 đến nay. Tuy đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Gia Phát, sinh ngày 06/8/2018. Hiện nay, cháu Phát đang sống chung với anh T. Chị H thống nhất giao cháu Phát cho anh T được nuôi dưỡng. Đối với anh T không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung cháu Phát sống với anh T và môi trường sống của cháu đã ổn định. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Phát cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H thống nhất giao con chung Gia Phát cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh T không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim H.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kim H được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia Phát, sinh ngày 06/8/2018 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị H và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huỳnh Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006488 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; như vậy, chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- CCTHADS H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường CG, Quận 1, TP.HCM (Số ĐKKH: 130, ngày 29/10/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khon - Phạm Văn Liệt

Trần Xuân Nữ